



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY
大同奈陶瓷工業股份公司

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
ANNUAL SHAREHOLDERS'
MEETING
常年股東大會資料

MỤC LỤC

1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012.....	3
2. Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và sản xuất kinh doanh 2013	6
3. Ban kiểm soát báo cáo Kết quả kiểm tra trong năm 2012.....	8
4. Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2012.....	10
5. Báo cáo thù lao HĐQT và BKS năm 2012.....	11
6. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2013.....	12
7. Tờ trình về phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ.....	13
8. Tờ trình về NYBS cổ phiếu mới trong đợt phát hành thêm.....	14
9. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012... ..	15

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2013

Thời gian tổ chức : 14 giờ 00, ngày 22 tháng 04 năm 2013 (thứ Hai)

Địa điểm : Khách sạn New World, 76 Lê Lai, Quận 1, Tp.HCM.

Thời gian	Nội dung
13:30	Đón khách và Kiểm tra tư cách cổ đông
14:00	1. Tuyên bố lý do khai mạc và giới thiệu Đại biểu khách mời, thành phần tham dự 2. Công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, bắt đầu cuộc họp 3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Đại hội biểu quyết thông qua. 4. Đọc Chương trình Đại hội, đại hội biểu quyết thông qua 5. Chủ tịch HĐQT phát biểu 6. Nội dung báo cáo và thảo luận (1) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 (2) Báo cáo Kế hoạch dự kiến đầu tư và SXKD năm 2013 (3) Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra trong năm 2012 (4) Tờ trình báo cáo về phân phối lợi nhuận 2012 (5) Tờ trình về Thủ lao HĐQT và BKS năm 2012 (6) Tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2013 (7) Tờ trình về phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn (8) Tờ trình về niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới trong đợt phát hành thêm tại Sở giao dịch Chứng Khoán Tp.HCM 7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên
15:30	8. Giải lao, tiệc nhẹ
16:00	9. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề trên Đại hội; Công bố kết quả bầu cử
16:15	10. Đại diện Ban thư ký đọc Nghị quyết Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua
16:30	11. Bế mạc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

1. Khái quát tình hình kinh doanh công ty và tình hình kinh tế năm 2012

Lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2012 là trên **11.130.000m²**, tăng **3,76%** so với năm 2011, doanh thu bán hàng đạt **1.680,2 tỷ** đồng, tăng **15,69%** so với năm 2011, lợi nhuận sau thuế là **3,53 tỷ** đồng, so với năm 2011, lợi nhuận sụt giảm đáng kể, từ các số liệu trên, cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 chưa đạt được mục tiêu như mong đợi.

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước năm 2012, đặc biệt là ngành bất động sản, tình hình không được tốt như mong đợi, riêng nền kinh tế của Việt Nam, mặc dù có tốt hơn nhiều so với năm 2011, nhưng các chi phí giá thành bao gồm chi phí sản xuất như nguyên liệu, điện nước, khí gas, lương công nhân... đều không ngừng tăng. Trong đó, khí gas tăng cao với biên độ 50%, ảnh hưởng tới giá thành chi phí sản xuất vẫn đứng ở mức cao, làm bị thâm hụt lợi nhuận.

Trước tình hình khó khăn như vậy, trong sản xuất công ty Taicera tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá thành thấp hơn để thay thế, tăng cường tự động hóa máy móc thiết bị, cải thiện quy trình sản xuất để tối ưu hóa, nhằm giảm bớt giá thành chi phí sản xuất. Về mặt bán hàng, dòng sản phẩm đa dạng hóa, nâng cao giá trị kèm theo của sản phẩm, để đáp ứng nhu cầu của thị trường, đồng thời, ngoài việc đưa sản phẩm đến với thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài thông qua kênh bán hàng sẵn có, công ty đồng thời còn tăng cường phát triển thị trường Châu Âu và Châu Mỹ. Năm 2012 dưới sự nỗ lực của toàn thể anh chị em công nhân viên công ty, đã vượt qua một năm đầy khó khăn, doanh thu bán hàng mặc dù có tăng lên, nhưng lợi nhuận chưa đạt được như mục tiêu đề ra.

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ vững thái độ tích cực, triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2012 đã hoàn thành các công việc sau: chuyển 1 phần lợi nhuận sau thuế của năm 2011 thành vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là **24.475.878.000** đồng, thông qua phương thức phát hành thêm cổ phiếu mới để chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là **2.447.587cp**; trong số đó đã thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung **558.662** cổ phiếu, tính đến thời điểm cuối năm 2012, tổng vốn Điều lệ Công ty là **432.449.470.000** đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2011-2012:

Đơn vị tính: m²

Năm	2011		2012	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	5.426.832	5.301.802	5.668.153	5.463.964
Tỷ trọng(%)	51%	49%	51%	49%
Lượng tiêu thụ cả năm	10.728.634		11.132.117	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				3,76%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2011-2012

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu bán hàng	1.452.321.824.450	1.680.221.486.409
Các khoản giảm trừ	30.243.439.879	28.301.195.287
Doanh thu thuần về bán hàng	1.422.078.384.571	1.651.920.291.122
Giá vốn hàng bán	1.084.812.580.230	1.386.528.950.957
Lợi nhuận gộp về bán hàng	337.265.804.341	265.391.340.165
Lợi nhuận thuần trước thuế	99.257.609.725	5.025.333.065
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.200.573.445	1.498.560.359
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	443.604.579	123.151.731
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	80.613.431.701	3.403.620.975
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	5,55%	0,21%

3. Kết luận:

Tổng kết tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty, nhìn chung hiệu suất kinh doanh đạt được trong năm 2012 chưa đạt đến như mong đợi, nhưng dưới bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn như vậy, công ty có thể vượt qua những khó khăn, phải cảm

ơn sự nỗ lực cố gắng và phối hợp của toàn thể công nhân viên Công ty, đối với môi trường kinh tế và lợi nhuận của công ty trong năm 2013, chúng tôi cũng tự tin và đặt niềm hy vọng tràn đầy, sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng để hoàn thành mục tiêu dự kiến và tích cực đạt được sự kỳ vọng mong đợi của cổ đông với Công ty.

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2013 vẫn không lạc quan lắm. Chỉ số giá tiêu dùng trong nước của Việt Nam đã ổn định hơn so với năm 2012, chính phủ cũng đã đề ra một số biện pháp khuyến khích nhằm kích thích nền kinh tế trong nước, mặc dù tình hình kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục hẳn, công ty mong đợi hiệu suất hoạt động kinh doanh trong năm 2013 sẽ ổn định hơn so với năm 2012. Với các kế hoạch hoạt động kinh doanh như sau:

Về bán hàng:

Về thị trường nội địa của Việt Nam, thị trường Châu Á, thị trường Úc cũng như thị trường Châu Âu (bao gồm các nước liên minh Châu Âu) của công ty hiện tại đều trong giai đoạn phát triển bền vững, ngoài ra, để có thể sinh tồn trong một môi trường trong nước và quốc tế với tốc độ thay đổi nhanh chóng, công ty vẫn cần có một chính sách phát triển trong một thị trường ổn định. Lấy ví dụ, về thị trường trong nước, trong thời gian vừa qua do sự thay đổi của tình hình quốc tế, một số công ty Nhật Bản đang tìm kiếm nguồn cung ứng ổn định, đã nhiều lần đến Việt Nam nhập hàng hóa, công ty cũng nhân cơ hội này, tạo mối quan hệ sâu sắc hơn với thị trường Nhật, gia tăng tỷ lệ xuất khẩu. Với thị trường nước ngoài, tiếp tục củng cố đẩy mạnh kênh bán hàng Taicera-Keraben company mà công ty đã xây dựng cùng với Keraben-1 công ty lớn của Tây Ban Nha, bên cạnh đó tăng cường tuyến bán hàng của nhãn hiệu TKG với dòng sản phẩm chính là sản phẩm gạch cao cấp, nhằm mở rộng hơn kênh bán hàng của công ty, càng thâm nhập vào cơ sở hạ tầng.

Về sản xuất:

Năm 2012 công ty có đầu tư **15.000.000USD**, hoàn thành tăng thêm một dây chuyền sản xuất hiện đại hóa nhất, sản lượng dây chuyền mới này có thể đạt được trong năm 2013 giúp cho công ty có thể sử dụng linh hoạt dây chuyền mới và cũ để sản xuất ra những sản phẩm có giá trị kèm theo cao hơn, tăng sức cạnh tranh của công ty, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời có thể khiến cho việc sản xuất càng chuyên môn hóa hơn, tính linh hoạt cao hơn, để công ty trở thành một trong những nhà cung cấp gạch cạnh tranh nhất thế giới. Mục tiêu kinh doanh của công ty trong năm 2013 với tổng sản lượng dự kiến đạt được là **11.280.000m²**, doanh thu dự kiến đạt **1.751** tỷ đồng.

Quản lý tài chính:

Tăng vốn Điều lệ:

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2013 của Công ty, đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính Công ty, giảm bớt chi phí lãi vay, dự kiến thực hiện tăng vốn Điều lệ **12,97** tỷ đồng, phương thức phát hành thêm tăng vốn cụ thể như sau:

Chuyển lợi nhuận được phân phối trong năm 2012 với số tiền **12.971.815.200** đồng để tăng vốn, bằng cách phát hành **1.297.181** cổ phiếu, dùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Kết luận:

Dự báo tình hình ngành công nghiệp gạch men năm 2013, vẫn chưa được tốt, nhưng với công ty có đầy đủ trang thiết bị sản xuất hiện đại hóa nhất và hệ thống bán hàng hoàn chỉnh, đồng thời tiếp tục tăng cường quản lý sản xuất, quản lý nội bộ công ty và giảm bớt giá thành chi phí sản xuất và chi phí quản lý, công ty tin rằng sẽ vượt qua thử thách của năm 2013 và đạt được mục tiêu mong đợi.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2012

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty
- Căn cứ vào quá trình hoạt động kiểm soát trong năm 2012.

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức vào ngày 22/04/2013.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2012. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

Doanh thu năm 2012: **1.680,2 tỷ đồng**, tăng 15,69% so với năm 2011

- Lợi nhuận sau thuế năm 2012: **3,4 tỷ đồng**.
- Tỷ lệ cổ tức: **6%**

Với các chỉ tiêu được giao nói trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty trong năm đã có những nỗ lực rất lớn, cố gắng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.680.221.486.409
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (Công ty mẹ)	3.403.620.975
3	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Doanh thu thuần	0,21%
4	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Vốn Điều lệ	0,79%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu

thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

4. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

TM. BAN KIỂM SOÁT

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán.
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh năm 2013.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước năm 2011:	71.538.289.224 đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2012:	5.025.333.065 đồng
Mức thuế dự kiến của năm 2012:	1.498.560.359 đồng
Lợi nhuận sau thuế trong năm 2012:	3.526.772.706 đồng
LNST của công ty mẹ trong năm 2012:	3.403.620.975 đồng
Lợi nhuận được phân phối trong năm 2012:	74.941.910.199 đồng

Việc trích lập quỹ và chi trả cổ tức:

- Quỹ dự phòng tài chính: 170.181.049 đồng (5%)
- Chi trả cổ tức: 25.943.630.400 (Tỷ lệ cổ tức: 6% mệnh giá, Phương thức chi trả cổ tức như sau: trả bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu, trong đó 3% trả bằng tiền mặt, tức mỗi cổ phần sẽ được nhận 300 (Ba trăm) đồng cổ tức bằng tiền mặt; 3% trả bằng cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 10:0,3, tức cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ nhận được 0,3 cổ phiếu mới).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2012.
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh của năm 2013

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 như sau:

- Mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2012 tương ứng với 2% lợi nhuận sau thuế trong năm 2012 của Công ty, cụ thể như sau:
 - Tổng lợi nhuận sau thuế: **3.403.620.975** đồng.
 - Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát: **68.072.420** đồng.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2013

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ vào Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua Quyết định chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2013:

Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

- Địa chỉ trụ sở chính: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.820.5944 – 820.5947 Fax: 08.820.5942
- Email: aascs@vnn.vn Website: www.aascs.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Traân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỜ TRÌNH

V/v phát hành thêm cổ phiếu mới để tăng vốn Điều lệ

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ vào tình hình thực tế về nhu cầu huy động vốn của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu mới để tăng vốn Điều lệ, với nội dung như sau:

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2013 của Công ty, đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính Công ty, giảm bớt chi phí lãi vay, dự kiến thực hiện tăng vốn Điều lệ **12,9** tỷ đồng, phương thức phát hành thêm tăng vốn cụ thể như sau:

Chuyển lợi nhuận được phân phối trong năm 2012 với số tiền **12.971.815.200** đồng để tăng vốn, bằng cách phát hành **1.297.181** cổ phiếu, dùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn đến hàng đơn vị sẽ được trả bằng tiền mặt theo mệnh giá, Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Trân trọng,

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỜ TRÌNH

V/v niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm tại SGDCK Tp.Hồ Chí Minh

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trình Đại hội cổ đông giao ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định trong việc xin phép niêm yết bổ sung cổ phiếu mới trong đợt phát hành thêm trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.p Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Hội đồng quản trị của Công ty sẽ quyết định trong việc xin phép thực hiện niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu mới tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Tp.HCM trong đợt phát hành thêm cổ phiếu để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012.
2. Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định trong việc thực hiện các thủ tục, vấn đề liên quan đến việc xin phép niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu mới trong đợt phát hành nêu trên, HĐQT sẽ quyết định về số lượng, tỷ lệ, và thời gian xin phép niêm yết bổ sung

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2012**

Số: 104 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên



TẠ QUANG LONG

Chứng chỉ KTV số: 0649/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		810.600.439.641	733.332.987.313
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		173.277.747.638	187.270.731.087
111	1. Tiền	03	131.277.747.638	187.270.731.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.000.000.000	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04		8.891.713.564
121	1. Đầu tư ngắn hạn			8.891.713.564
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.991.047.990	169.099.948.345
131	1. Phải thu khách hàng		142.800.389.986	150.163.413.439
132	2. Trả trước cho người bán		12.439.674.834	2.664.681.908
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	18.214.002.797	16.683.395.350
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(463.019.627)	(411.542.352)
140	IV. Hàng tồn kho		429.428.084.654	290.801.790.605
141	1. Hàng tồn kho	06	430.486.824.688	291.277.357.639
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.058.740.034)	(475.567.034)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.903.559.359	77.268.803.712
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.942.134.648	6.872.779.542
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.609.247.100	57.634.120.164
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07	2.571.594.622	1.936.690.956
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		780.582.989	10.825.213.050
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		835.109.222.935	846.136.768.242
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

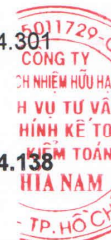
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		821.282.589.317	836.562.153.427
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	772.575.133.688	408.201.400.333
222	- Nguyên giá		1.481.209.133.918	1.034.397.265.772
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(708.634.000.230)	(626.195.865.439)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	48.707.455.629	428.360.753.094
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Lợi thế thương mại			
270	VI. Tài sản dài hạn khác		13.826.633.618	9.574.614.815
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	10.948.881.542	8.435.790.109
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác		2.877.752.076	1.138.824.706
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.645.709.662.576	1.579.469.755.555



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		963.474.842.306	875.818.874.025
310	I. Nợ ngắn hạn		786.939.817.431	667.126.129.887
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	499.858.454.837	384.373.052.801
312	2. Phải trả người bán		233.125.085.785	199.475.543.687
313	3. Người mua trả tiền trước		17.184.578.798	23.252.578.746
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	528.779.344	602.551.107
315	5. Phải trả người lao động		16.435.599.842	23.626.796.447
316	6. Chi phí phải trả	13	18.280.606.873	31.603.422.798
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	1.526.711.952	4.192.184.301
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	II. Nợ dài hạn		176.535.024.875	208.692.744.138
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		6.364.073.251	3.941.630.680
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	170.170.951.624	204.683.058.344
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			68.055.114
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		664.442.914.404	690.089.120.473
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	664.442.914.404	690.089.120.473
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		432.449.470.000	407.973.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(55.559.400)	(42.225.400)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			2.199.217.643
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		63.001.315.847	46.878.629.507
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.584.817.758	4.303.275.411
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.941.910.199	142.255.663.312
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		17.791.905.866	13.561.761.057
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.645.709.662.576	1.579.469.755.555



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		3.929.442,67	7.553.391,59
- Euro (EUR)		6.482,62	815,14
- Yên Nhật (JPY)		4.111.934,00	4.112.847,00
- Peso Philippine (PHP)		170,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.680.221.486.409	1.452.321.824.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	28.301.195.287	30.243.439.879
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.651.920.291.122	1.422.078.384.571
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.386.528.950.957	1.084.812.580.230
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.391.340.165	337.265.804.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.382.400.304	22.363.553.144
22	7. Chi phí tài chính	23	41.557.167.669	55.850.839.081
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.816.820.604	15.638.275.889
24	8. Chi phí bán hàng		152.540.188.360	141.906.018.524
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		80.151.733.188	66.564.184.806
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		524.651.252	95.308.315.074
31	11. Thu nhập khác		5.017.129.438	4.058.685.219
32	12. Chi phí khác		516.447.625	109.390.568
40	13. Lợi nhuận khác		4.500.681.813	3.949.294.651
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.025.333.065	99.257.609.725
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.498.560.359	18.200.573.445
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.526.772.706	81.057.036.280
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		123.151.731	443.604.579
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		3.403.620.975	80.613.431.701
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	79	1.976

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		5.025.333.065	99.257.609.725
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		95.266.959.428	70.221.130.095
03	2. Các khoản dự phòng		634.650.275	(1.451.010.498)
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(3.704.912.840)	
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.525.019.381)	(3.368.334.272)
06	5. Chi phí lãi vay		32.816.820.604	15.638.275.889
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		126.513.831.151	180.297.670.939
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		35.126.926.205	(41.919.706.628)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(139.209.467.049)	(26.216.184.037)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.392.068.579	133.577.185.718
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.417.553.461	8.642.273.108
13	- Tiền lãi vay đã trả		(31.589.976.040)	(15.316.056.508)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.326.966.059)	(16.879.244.905)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.422.442.571	1.532.659.190
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.520.235.806)	(3.366.517.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.226.177.013	220.352.079.877
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(81.563.916.516)	(446.568.186.865)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.488.671.258	969.246.585
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		8.891.713.564	29.787.886.436
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			(6.467.523.787)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.050.548.596	2.505.727.735
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(69.132.983.098)	(419.772.849.896)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(13.334.000)	(12.717.600)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.047.862.742.837	916.230.951.459
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(966.889.446.277)	(623.409.421.763)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.116.482.475)	(23.409.160.305)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		53.843.480.085	269.399.651.791

CH NHIỆM HỮU H
H VỤ TƯ V
KẾ T
H M TOÁN
HIA NAM
HỘ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚT TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh		
			Năm 2012	Năm 2011
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(14.063.326.000)	69.978.881.772
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		187.270.731.087	115.156.462.393
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.342.551	2.135.386.922
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>173.277.747.638</u>	<u>187.270.731.087</u>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Ngày 12 tháng 11 năm 2012, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười hai, theo đó: vốn điều lệ của Công ty là 432.449.470.000 đồng, tổng số cổ phần là 43.244.947, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 14.562.777 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

- UNION TIME ENTERPRISE LIMITED nắm giữ 12.626.691 cổ phần.
- Ông CHEN, WEN-CHIA nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Bà LIN, YU-LAN nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Bà CHENG, YEU-CHYI nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Ông CHEN, SIN-SIANG nắm giữ 1.503.177 cổ phần.

Tổng số cổ phiếu ghi tên do các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm tương ứng với giá trị cổ phần ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty"):

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con

- | | |
|---------------|---|
| ▪ Tên công ty | Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Taiware |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 2.000.575.420 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 55,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Phát Triển Taicera |
| Địa chỉ | Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM |
| Vốn điều lệ | 21.204.134.400 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Taicera Keraben |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 14.482.440.000 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

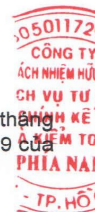
Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 15%.

